

Phụ lục 54
BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ VĨNH PHONG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
1	Cặp kênh Chắt Bểng (phía chợ)		
	Đường Quảng Trọng Linh: Từ cầu kênh Xáng Múc - Kênh 1	2.730	
2	Đường Nguyễn Trung Trực		
	- Từ cầu kênh xáng mức - cổng Định Cư giáp chùa Khmer (Trung tâm chợ)	11.830	
	- Từ cổng Định cư giáp Chùa Khmer - Vàm Đường Sân	1.820	
3	Lộ Số 2: Từ Chợ Bách hóa Vĩnh Thuận - Đường 35	4.004	
3	Kênh Định Cư (lộ Số 3)		
	- Đường Mai Văn Trương: Từ QL63 - Cổng Định cư giáp chùa Khmer	4.004	
4	Đường D3: Từ QL63 - Phía sau hậu Nghĩa trang Liệt sĩ	2.600	
5	Quốc lộ 63 (phía Đông)		
	Đường Nguyễn Thành Nhơn		
	- Từ cầu lớn Vĩnh Thuận - Kênh Thủy Lợi 1000 (cạnh Tám Phú) bờ Đông	9.100	
	- Từ kênh Thủy lợi 1000 - Cổng Ba Lục	4.550	
	- Từ Cổng Ba Lục - Kênh 500	3.276	
	Đường Võ Văn Kiệt		
	- Từ cầu sắt - Kênh thủy lợi Thân Đối	6.500	
	- Từ kênh thủy lợi Thân Đối - Cổng Bà Bang	4.550	
	Đường Lưu Nhơn Sâm		
	- Từ cầu kênh xáng mức - Kênh thủy lợi 1000	2.366	
	- Từ kênh Thủy lợi 1000 - Giáp đường Phan Văn Chương	2.275	
6	Hai bên chợ nhà lồng: Đến sông Chắt Bểng	6.500	
7	Đường 35: Từ cổng Đường 35 - Kênh Chiến Lược	1.820	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
8	Đường Số 5, Số 6, Số 7 (khu nội bộ)	1.560	
9	Khu hành chính: Từ Khối Dân vận - Điện lực	1.820	
10	Đường Phan Văn Chương: Từ giáp đường Lưu Nhơn Sâm - Kênh 1	1.820	
11	Đường kênh 1: Từ Vàm kênh 1 - Giáp đường Phan Văn Chương (bờ Đông)	1.820	
12	Đường kênh Hậu UBND huyện	1.560	
13	Đường kênh thủy lợi 1000: Từ giáp đường Lưu Nhơn Sâm - Giáp kênh 1	728	
14	Đường thuộc ấp Vĩnh Đông 1: Từ cầu Rộc Môn - Cầu Cái Nhum	728	
15	Đường Mai Thành Tâm: Từ cầu Đường sân - Cầu Kênh 500	1.040	
16	Phía sau hậu nghĩa trang liệt sỹ - Cầu hòng Chấn Bè (giáp đường Mai Thành Tâm)	1.040	
17	ĐH.57: Từ cầu Xẻo Lộp - Cống Năm Nam	1.000	Bổ sung
18	Đường Phan Văn Bẩy (ĐH.58)		
	- Từ cầu sắt - Ngang cầu Đường Sân	2.470	
	- Từ ngang cầu Đường Sân - Cống Bà Đầm	1.560	
	- Cống Bà Đầm - cầu kênh So le	1.400	
19	Chợ vàm Chắc Bàng: Từ kênh So Le - Kênh Hậu Chợ	1.176	
20	Đường Phạm Thành Lượng		
	- Từ cầu sắt - Cống Thủy lợi 1000	2.470	
	- Từ cống Cống Thủy lợi 1000 - Cống Miếu Ông Tà	1.274	
	- Cống Miếu Ông Tà - cầu Xẻo Lộp	1.080	
21	Đường Huỳnh Thủ		
	- Từ cầu sắt - Cầu Rộc Môn	2.080	
	- Từ cầu Rộc Môn - Miếu Bà	728	
22	Đường vào Ban chỉ huy Quân sự xã: Từ đường Mai Văn Trương - Giáp Ban chỉ huy Quân sự xã	3.000	
23	Đường kênh Ruột Xã: Từ Miếu Ông Tà - Đường dẫn lên Cao tốc (bờ Tây)	728	Bổ sung
24	Quốc lộ 63 (tuyến Ranh Hạt giáp Cà Mau)		
	- Từ cống Bà Bang - Kênh 1 Hăng	2.520	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
	- Từ kênh 1 Hăng - Kênh Ranh Hạt	1.224	
25	Đường thuộc ấp Ruộng Sạ 2: Cầu Miếu Bà - Ngã tư Cạnh Đèn	720	Bổ sung
26	Khu tái định cư Vĩnh Thuận		
	Khu liên kề 06		
	- Lô 01 và Lô 30 (Lô góc)	2.625	Bổ sung
	- Lô 02 đến Lô 29	2.392	Bổ sung
	Khu liên kề 07		
	- Lô 01 và Lô 17 (Lô góc đối diện công viên)	2.735	Bổ sung
	- Lô 02 đến Lô 16 (Lô nền đối diện công viên)	2.502	Bổ sung
	- Lô 18 và Lô 34 (Lô góc)	2.625	Bổ sung
	- Lô 19 đến Lô 33	2.392	Bổ sung
27	Các tuyến đường khác có nền đường $\geq 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	504	Bổ sung
28	Các tuyến đường khác có nền đường $< 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	420	Bổ sung
29	Các tuyến đường còn lại	336	Bổ sung